

Số: /GPMT-UBND Chí Linh, ngày tháng 05 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

(Cấp điều chỉnh lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND của Công ty TNHH Cường Thạch ngày 31 tháng 03 năm 2024;

Xét văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Cường Thạch số 2205/MT-CT ngày 22 tháng 05 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND ngày 13/01/2023 do UBND thành phố Chí Linh cấp cho Công ty TNHH Cường Thạch (sau đây gọi là Giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND), có địa chỉ tại Số 38 đường Lê Thánh Tông, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND.

Điều 2. Công ty TNHH Cường Thạch tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép môi trường điều chỉnh này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Cường Thạch;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Văn Hóa (để đăng tải công khai);
- UBND phường Phả Lại;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Huỳnh

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh số /GPMT-UBND
ngày tháng 05 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Chí Linh)

1. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.1. Nội dung cấp phép xả thải nước thải

a. Nguồn phát sinh từ các nguồn

+ Nguồn số 01: nước thải từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tại dự án

b. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải:

+ Dòng số 01: Dòng nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt lưu lượng 20m³/ ngày

- Vị trí xả nước thải: tại điểm đầu nối vào mương thoát nước chung của khu vực

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°): X(m) = 2335642, Y(m) = 583084.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý tự chảy ra nguồn tiếp nhận.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (mức B, giá trị C_{max} với hệ số K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN (C _{max})	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1200		

5	Sunfua (Tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	phải quan trắc nước thải định kỳ	phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat(NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

- Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại. Nước thải từ bể tự hoại được xử lý tại hệ thống xử lý 20m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý được thải ra mương thoát nước chung của khu vực qua một cửa xả.

+ Quy trình thu gom, thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt -> bể tự hoại -> hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m³/ ngày đêm -> mương thoát nước chung của khu vực qua một cửa xả

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải

+ Quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt: Nước thải sau xử lý sơ bộ -> bể thu gom -> bể tách dầu mỡ -> bể điều hòa -> bể thiếu khí -> bể hiếu khí -> bể lắng -> bể khử trùng -> mương thoát nước chung của khu vực.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (mức B, giá trị Cmax với hệ số K = 1,2)

+ Công suất thiết kế: 20m³/ngày đêm

+ Hóa chất sử dụng: Chlorine.

2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

Không phát sinh bụi, khí thải tại khu vực lò hơi đốt than do cơ sở dùng nồi hơi điện.

3. Các điều chỉnh khác

- Quản lý chất thải

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Chất thải	Dạng tồn tại	Khối lượng (Kg/ năm)	Mã chất thải
1	Vải vụn thừa	Rắn	250	12 09 09
2	Chỉ thừa	Rắn	20	12 09 09

3	Bìa carton	Rắn	120	12 08 03
4	Túi nilon	Rắn	20	-
5	Bùn thải từ hệ thống xử nước thải	Bùn	300	12 06 10
6	Bùn thải từ bể tự hoại	Bùn	500	12 06 10
Tổng			1.210	